TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN N,** **THÀNH PHỐ C**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 296/2024/DS-ST
Ngày: 25/9/2024
V/v Tranh chấp HĐ tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị A**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Công N,

2. Bà Nguyễn Thị Hoàng O.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều T.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại Tòa án nhân dân quận N, thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 366/2024/TLST-DS ngày 13/6/2024 về *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 366/2024/QĐXX-ST ngày 06/9/2024 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP Đ (B).

Người được ủy quyền: Ông: Nguyễn Hoàng T, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh T4 là người đại diện theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số: 963/QĐ-BIDV ngày 25/10/2021 của Ngân hàng TMCP Đ về việc Ủy quyền tham gia tố tụng. Trụ sở chi nhánh: Số E, đường P, phường T, quận N, thành phố C.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng tại phiên tòa: bà Lâm Thị Hằng M – Cán bộ Ngân hàng. Địa chỉ: Số E, đường P, phường T, quận N, thành phố C.

(Sau đây gọi tắt là Ngân hàng)

-*Bị đơn*: Ông Lê Văn T1, sinh năm: 1980 và bà Khưu Ngọc T2, sinh năm 1979. Cùng địa chỉ thường trú: số G đường C, phường A, quận N, thành phố C.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng có ký kết với Ông Lê Văn T1 và Bà Khưu Ngọc T2 Hợp đồng tín dụng số 541/2017/10365886/HĐTD ngày 25/10/2017 cho vay số tiền

648.000.000 đồng (*Sáu trăm bốn mươi tám triệu đồng*). Mục đích vay, mua xe ô tô tải kinh doanh vận chuyển hàng hóa. Thời hạn vay: 60 tháng.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông Lê Văn T1 và bà Khưu Ngọc T2 ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 541/2017/10365886/HĐBĐ ngày 25/10/2017 thế chấp tài sản là xe Ô tô tải FAW thùng mui bạt theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 021741 do C (Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ) cấp ngày 20/10/2017.

Quá trình thực hiện hợp đồng phía bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán và hợp đồng tín dụng của ông T1, bà T2 đã bị quá hạn. Ngân hàng đã làm việc và đôn đốc bị đơn trả nợ nhưng vẫn không có kết quả.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện buộc ông T1, bà T2 phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 20/02/2024 tổng cộng là 899.997.029 đồng *(Bằng chữ: T3 trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn không trăm hai mươi chín đồng).* Đồng thời phải trả số tiền lãi phát sinh với lãi suất được ký theo Hợp đồng tín dụng số: 541/2017/10365886/HĐTD ngày 25/10/2017 kể từ sau ngày 20/02/2024 cho đến khi trả hết nợ Ngân hàng. Trường hợp Ông Lê Văn T1 và Bà Khưu Ngọc T2 không trả nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản để thu hồi nợ.

- Ông Lê Văn T1 và Bà Khưu Ngọc T2 phải dùng toàn bộ tài sản khác thuộc quyền sở hữu của mình để thanh toán dứt nợ vay còn lại cho Ngân hàng sau khi đã phát mãi tài sản đảm bảo mà vẫn chưa trả hết nợ.

- Ông Lê Văn T1 và Bà Khưu Ngọc T2 phải chịu toàn bộ chi phí khởi kiện, phí thi hành án và các chi phí khác phát sinh trong thời gian xử án và thi hành án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn ông T1 và bà T2, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, vụ án không tiến hành hòa giải được, Tòa án niêm yết văn bản tố tụng đối với bị đơn, đưa vụ án ra xét xử công khai theo quy định chung.

Tại phiên tòa,

Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc và lãi đồng thời thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết. Nợ gốc và lãi tính đến ngày 25/09/2024 gồm: Nợ gốc 487.720.000 đồng, nợ lãi trong hạn 345.802.357 đồng, nợ lãi quá hạn 88.987.293 đồng. Tổng cộng gốc và lãi 922.509.650 đồng (*Chín trăm hai mươi hai triệu, năm trăm lẻ chín nghìn,*

sáu trăm năm mươi đồng)

Bị đơn ông T1, bà T2 tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa nên không ghi nhận được ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Ngân hàng và ông T1, bà T2 có ký kết hợp đồng tín dụng. Quá trình giao dịch, ông T1, bà T2 không thực hiện theo đúng thỏa thuận nên Ngân hàng có đơn khởi kiện, xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1] Về thủ tục tố tụng: bị đơn ông T1, bà T2 được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án đã niêm yết các văn bản theo thủ tục tố tụng đối với bị đơn. Căn cứ theo qui định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Xét giao dịch dân sự: Giữa nguyên đơn Ngân hàng và bị đơn ông Lê Văn T1 và bà Khưu Ngọc T2 có ký kết hợp đồng tín dụng. Quá trình thực hiện giao dịch, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ đồng thời hợp đồng tín dụng đã quá hạn thanh toán. Đây là căn cứ xác định giao dịch giữa Ngân hàng với bị đơn ông T1, bà T2 là có thật. Việc nguyên đơn ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm gồm: Nợ gốc 487.720.000 đồng, nợ lãi trong hạn 345.802.357 đồng, nợ lãi quá hạn 88.987.293 đồng. Tổng cộng gốc và lãi 922.509.650 đồng (*Chín trăm hai mươi hai triệu, năm trăm lẻ chín nghìn, sáu trăm năm mươi đồng*) và yêu cầu tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký từ sau ngày Tòa án xét xử (25/9/2024) cho đến thanh toán xong khoản nợ là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Hợp đồng thế chấp tài sản số: 541/2017/10365886/HĐBĐ ngày 25/10/2017 được ký kết giữa Ngân hàng và ông T1, bà T2. Tài sản thế chấp là xe Ô tô tải FAW thùng mui bạt theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 021741 do Công an C (Phòng C1) cấp ngày 20/10/2017.

Phía Ngân hàng có đơn xác nhận không yêu cầu Toà án thẩm định, định giá tài sản thế chấp.

Đối với yêu cầu Ngân hàng được phép phát mãi tài sản để thu hồi nợ khi bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nợ là có căn cứ để chấp nhận do phù hợp với các điều kiện trong hợp đồng thế chấp mà các bên đã ký kết.

[4] Về yêu cầu tính lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án:

Do các đương sự có thoả thuận lãi suất chậm trả, do đó, trong giai đoạn thi hành án bên có nghĩa vụ chậm thực hiện việc thanh toán sẽ được tính lãi suất theo nội dung tại hợp đồng tín dụng các bên đã ký.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 35, 147, 227 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 91, 94 và 95 Luật các tổ chức tín dụng;
- Điều 357, Điều 688 Bộ luật dân sự;
- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015
- Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ (B).

Buộc ông Lê Văn T1 và bà Khưu Ngọc T2 phải trả cho Ngân hàng tổng số nợ gốc và lãi tính chung đến ngày 25/9/2024 là: 922.509.650 đồng (*Chín trăm hai mươi hai triệu, năm trăm lẻ chín nghìn, sáu trăm năm mươi đồng*) (Trong đó gồm: Nợ gốc 487.720.000 đồng + nợ lãi trong hạn 345.802.357 đồng + nợ lãi quá hạn 88.987.293 đồng)

Bị đơn thực hiện việc trả nợ bắt đầu khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Phương thức và cách thanh toán nợ sẽ giải quyết tại cơ quan thi hành án. Kể từ sau ngày 25/9/2024, trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải tiếp tục trả lãi theo Hợp đồng tín dụng số: 541/2017/10365886/HĐTD ngày 25/10/2017 mà các bên đã ký kết.

2/ Trường hợp bị đơn không thanh toán được nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 541/2017/10365886/HĐBĐ ngày 25/10/2017 để thu hồi nợ.

Sau khi đã phát mãi tài sản đảm bảo mà vẫn chưa trả hết nợ cho Ngân hàng, ông Lê Văn T1, bà Khưu Ngọc T2 tiếp tục có trách nhiệm dùng tài sản khác thuộc quyền sở hữu của mình để thanh toán cho đến khi dứt nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Văn T1, bà Khưu Ngọc T2 phải nộp 39.675.000 đồng (đã làm tròn số) *(ba mươi chín triệu, sáu trăm bảy mươi lăm ngàn đồng)*

- Ngân hàng TMCP Đ (B) được nhận lại tiền đã nộp tạm ứng án phí 19.500.000 đồng theo biên lai thu số 0001389 ngày 30/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố C.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đối với nguyên đơn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

*Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát ND quận N, thành phố C;
- Chi cục THA dân sự quận N, thành phố C;
- Lưu (hs, Vp, Ltds)

Đã ký